

NGHỊ QUYẾT

**Cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 20 ngày 7 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 419/TTg ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 2561/BKHĐT-KTĐP< ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ

kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đồng Nai; văn bản số 3460/BKHĐT-KTĐPLT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ý kiến về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đồng Nai (lần 2);

Xét Tờ trình số 7676/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai dự kiến là 67.789.000 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương là 33.504.500 triệu đồng, gồm:
 - a) Nguồn vốn ngân sách tập trung là 18.299.100 triệu đồng.
 - b) Nguồn thu tiền sử dụng đất là 7.500.000 triệu đồng.
 - c) Nguồn xổ số kiến thiết là 7.700.000 triệu đồng.
 - d) Bội chi ngân sách địa phương là 5.400 triệu đồng.
2. Dự kiến nguồn khai thác đấu giá đất: 23.000.000 triệu đồng.
3. Vốn ngân sách trung ương là 11.284.500 triệu đồng, gồm:
 - a) Vốn trong nước là 9.251.900 triệu đồng.
 - b) Vốn nước ngoài là 2.032.600 triệu đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục I, II, III, IV và V đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khoá X Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2021. / *phuuw*

Nơi nhận: *k*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo



Phụ lục I

Tỉnh Đồng Nai

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	67.789.000	
A	Vốn ngân sách địa phương	33.504.500	
	Trong đó:		
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	18.299.100	
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	7.500.000	
	Trong đó:		
	+ Phân bổ vốn theo dự án	4.500.000	
	+ Bổ sung quỹ phát triển nhà và quỹ phát triển đất	3.000.000	
-	Xổ số kiến thiết	7.700.000	
-	Bội chi ngân sách địa phương	5.400	
B	Nguồn khai thác đấu giá đất	23.000.000	
C	Vốn ngân sách trung ương	11.284.500	
I	Vốn trong nước	9.251.900	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực		
	Trong đó:		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia	4.660.000	
-	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	2.000.000	
-	Hỗ trợ có mục tiêu	2.591.900	
II	Vốn nước ngoài	2.032.600	

Phụ lục II

**BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN ĐẦU GIẢ ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giai đoạn 2021-2025		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
	Tổng số				18.299.109	23.000.000	
A	Thực hiện dự án				5.087.614	3.454.197	
I	Giao thông				779.020	1.628.200	
I.1	Dự án chuyển tiếp				779.020	1.628.200	
1	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn song hành QL1A từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo, ngân sách tỉnh 70% TMBT)	TB	2018-2021	106.500	12.900		UBND huyện Trảng Bom
2	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN	2018-2023	214.700	40.000		UBND huyện Thống Nhất
3	Nâng cấp tuyến đường Suối Chồn - Bàu Côi, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	LK	2018-2022	136.700	10.000		UBND thành phố Long Khánh
4	Đường Sóng Nham - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến ĐT769), kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do huyện Thống Nhất thực hiện)	TN	2017-2021	160.152	5.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	2017-2021	314.732	35.000		UBND huyện Long Thành
6	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	LK	2019-2021	131.234	12.000		UBND thành phố Long Khánh
7	Dự án Kê sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT	2019-2022	35.136	15.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án cải tạo đường Hùng vương - thành phố Long Khánh (ngân sách tỉnh 50%)	LK	2020-2024	156.854	55.000		UBND thành phố Long Khánh
9	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán (kể cả chi phí BTGPMB do UBND huyện Định Quán làm Chủ đầu tư)	ĐQ	2020-2024	138.034	30.294		-
	trong đó						
a	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				30.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện				294		UBND huyện Định Quán
10	Đường Xuân Mỹ đi Báo Bình	CM	tối đa 3 năm	92.880	67.300		UBND huyện Cẩm Mỹ
11	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường xung quanh Hồ cầu Dầu, thành phố Long Khánh	LK	tối đa 3 năm	38.568	15.000		UBND thành phố Long Khánh
12	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự), thị xã Long Khánh (NST hỗ trợ 100% chi phí xây lắp)	LK	tối đa 3 năm	29.600	10.500		UBND thành phố Long Khánh
13	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	2019-2023	91.564	65.000		UBND huyện Tân Phú
14	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú	TP	2019-2023	128.700	39.700		UBND huyện Tân Phú
15	Đường ô tô bao Đồng Hiệp, huyện Tân Phú	TP	2020-2022	26.092	16.500		UBND huyện Tân Phú
16	Dự án Mở rộng đường từ Quốc lộ 20 vào Trung tâm Đức Mẹ Núi Cối (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMBT)	TN	tối đa 3 năm	11.500	1.000		UBND huyện Thống Nhất
17	Dự án Tuyến đường Bình Lộc - Tân Nghĩa, thị xã Long Khánh (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMBT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	LK	2020-2022	79.668	10.000		UBND thành phố Long Khánh
18	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	2019-2023	599.940	13.803	122.000	-
	trong đó						-
a	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 8+300 và Km15+000 đến Km 24+000 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện			599.940		42.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giai đoạn 2011-2025		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện					60.000	UBND huyện Xuân Lộc
c	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện				8.803		UBND huyện Định Quán
d	Nâng cấp đường ĐT 763 đoạn còn lại (gồm các đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến), do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				5.000	20.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
19	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	hoàn thành	783.000		615.000	-
	Trong đó:						-
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					135.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện					480.000	UBND thành phố Biên Hòa
20	Xây dựng cầu Vàm Cày Sơn trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	hoàn thành	388.000		126.500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
21	Cải tạo nâng cấp đường ĐT 768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT 767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư), gồm chi phí bồi thường do huyện Vĩnh Cửu thực hiện	VC	hoàn thành	671.200	48.223	164.700	-
	Trong đó:						-
a	Cải tạo nâng cấp đường ĐT 768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT 767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					105.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện				48.223	59.700	UBND huyện Vĩnh Cửu
22	Dự án đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	hoàn thành	77.971	50.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
23	Dự án đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	hoàn thành	79.788	52.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
24	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	hoàn thành	1.289.160	100.000	600.000	UBND thành phố Biên Hòa
25	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	53058	50.000		UBND thành phố Long Khánh
26	Nâng cấp mở rộng đường 765 đoạn từ Km5+500 đến Km10+000	XL	2017-2021	120.791	2.800		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
27	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (NST thực hiện phần xây lắp)	BH	2018-2022	121.057	2.000		UBND thành phố Biên Hòa
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				38.135		-
II.1	Dự án chuyển tiếp				38.135		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội	BH	2018-2022	54.846	27.600		Sở Lao động, thương binh và xã hội
2	Trung tâm công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai (vốn TW đã TB 15 tỷ)	BH	2019-2023	49.953			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Kho lưu trữ UBND huyện Long Thành (NST hỗ trợ xây lắp, không hỗ trợ thiết bị)	LT	2020-2022	27.231	8.035		UBND huyện Long Thành
4	Dự án đầu tư xây mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch + sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch (NST hỗ trợ hỗ trợ khoảng 8,3 tỷ XD Nhà làm việc UBNDTTQ và các đoàn thể)	NT	hoàn thành	19360	2.100		UBND huyện Nhơn Trạch
5	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	BH	2017-2022	73.605	1.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III	Công trình công cộng tại các đô thị				75.000		-
III.1	Dự án chuyển tiếp				75.000		
1	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiệp Liên	VC	2017-2023	181.919	75.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
IV	Cấp nước, thoát nước				395.150		
IV.1	Dự án chuyển tiếp				395.150		

STT	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giai đoạn 2021-2025		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
1	Dự án tuyến thoát nước dài cây xanh (kể cả BTGPMB)	NT	2017-2021	510.753	3.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả BTGPMB do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH - LT	2017-2021	267.620	143.400		-
	Trong đó:						-
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư				45.400		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				98.000		UBND thành phố Biên Hòa
3	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Kỳ, huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2021	31.368	12.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	2017-2022	584.830	135.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đầu tư theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	14.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, huyện Định Quán	ĐQ	2019-2021	39.953	21.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	26.981	750		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.991	4.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
9	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.999	4.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
10	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	ĐQ	tối đa 5 năm	65.082	58.000		UBND huyện Định Quán
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				705.935		-
V.1	Dự án chuyển tiếp				705.935		
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng lúa Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ) ngân sách tỉnh 138 tỷ	ĐQ	2017-2022	343.000	90.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
2	Hồ chứa nước Cá Rón xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2020-2023	434.601	160.000		UBND huyện Định Quán
3	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK	2017-2021	131.018	20.000		UBND thành phố Long Khánh
4	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai, đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa - dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT TP BH giai đoạn 1 từ vốn ODA (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do TP Biên Hòa thực hiện)	BH	2017-2021	373.172	83.700		-
	Trong đó:						-
a	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai, đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa				66.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				17.700		UBND thành phố Biên Hòa
5	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	35.714	21.000		UBND huyện Thống Nhất
6	Trạm bơm ấp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ	2018-2021	49.604	25.000		UBND huyện Định Quán
7	Tuyến thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK	tối đa 3 năm	55.900	11.500		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
8	Nạo vét Rạch moi xã Bình Hoà	VC	2019-2021	45816	22.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
9	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Còi (Ngân sách thành phố chi bồi thường 55,4 tỷ)	LK	tối đa 4 năm	544.659	121.000		UBND thành phố Long Khánh
10	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Vòi tinh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN	tối đa 5 năm	29.094	17.000		Chi cục Kiểm lâm
11	Trạm bơm Đắc Lúa	TP	2020-2024	131.058	120.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
12	Nạo vét và gia cố kè bờ suối Quán Thỏ, huyện Long Thành	LT	2018-2021	55.101	14.735		UBND huyện Long Thành
V	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				468.560		-

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiền độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giai đoạn 2021-2025		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
V.1	Dự án chuyển tiếp				468.560		
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2022	654.000	460.000		Công an tỉnh Đồng Nai
2	Nâng cấp Hệ thống Hội nghị truyền hình Công an tỉnh	BH	2021-2023	8.732	8.560		Công an tỉnh Đồng Nai
VI	Quốc phòng				30.000		-
VI.1	Dự án chuyển tiếp				30.000		
1	Dự án Quốc phòng ĐA2 (Dự án mặt) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)		tối đa 5 năm	125.000	30.000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
VII	Khoa học công nghệ				81.700		-
VII.1	Dự án chuyển tiếp				81.700		
1	Dự án nâng cấp, kết nối liên thông phần mềm giao dịch bảo đảm phục vụ công tác quản lý nhà nước	BH	tối đa 3 năm	3500	1700		Sở Tư Pháp
2	Trung tâm chiếu xạ Sở Khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70% khoảng 130 tỷ)	CM	2017-2021	187.635	80.000		Sở Khoa học và Công nghệ
VII	Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch (VB 2465/UBND-KT ngày 08/3/2019)				100.000		-
VIII	Bổ trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch				150.000		-
IX	Dự phòng bổ trí bổ sung các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021 và phân bổ các dự án mới giai đoạn 2021-2025				2.234.114	1.825.997	-
B	Thực hiện dự án giai đoạn 2021-2025				4.307.200	19.545.803	
1	Giao thông				2.680.220	19.037.090	
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông cũ đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	3.247.000		3.200.000	UBND thành phố Biên Hòa
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 5 năm	1.146.000		1.100.000	UBND thành phố Biên Hòa
3	Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hòa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	614.100		210.000	UBND thành phố Biên Hòa
4	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	110.330	105.000		UBND huyện Trảng Bom
5	Dự án đường ven Sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 6 năm	713.000		510.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 6 năm	1.985.000	500.000	600.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	30.100	27.000		UBND thành phố Long Khánh
8	Dự án Đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi núi Cái (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMBT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	tối đa 3 năm	12.000	5.500		UBND huyện Thống Nhất
9	Dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Tốc đi Tỉnh lộ 763 (ngân sách tỉnh 50%) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐQ	tối đa 5 năm	103.241	48.000		UBND huyện Định Quán
10	Dự án Đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% xây lắp)	ĐQ	Tối đa 3 năm	36.300	22.500		UBND huyện Định Quán
11	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% chi phí xây dựng)	LK	tối đa 3 năm	77.600	35.000		UBND thành phố Long Khánh
12	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1)	BH	tối đa 5 năm	651.813	850	532.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
13	Dự án Mở rộng đường Lý Thái Tổ, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh 50%)	ĐQ	tối đa 5 năm	124.000	62.000		UBND huyện Định Quán
14	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000-Km2+000	TN	tối đa 3 năm	59.200	50.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
15	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 30/4 đến đường Núi Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (ngân sách tỉnh 50%)	TB	tối đa 3 năm	68.022	33.800		UBND huyện Trảng Bom

STT	Danh mục dự án	ĐB XD	Thời hạn thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giải đoạn 2021-2025		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
16	Đường Vành đai thị trấn Đình Quán, huyện Đình Quán	ĐQ	tối đa 4 năm	239.000	220.000		UBND huyện Đình Quán
17	Nâng cấp mở rộng Đường Hương lộ 15, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 4 năm	130.000	71.300		UBND huyện Vĩnh Cửu
18	Dự án Nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 4 năm	93.830	85.000		Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
19	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bàu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp, khoảng 39 tỷ), chưa triển khai do UBND thành phố Biên Hòa chưa thực hiện bồi thường	BH	Tối đa 4 năm	88.609	38.800		UBND thành phố Biên Hòa
20	Dự án Đường tránh ngà tư Dấu Giầy nối tỉnh lộ 769 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	số đa 5 năm	99.247	88.000		UBND huyện Thống Nhất
21	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhơn Trạch (trước đây là Đường 25C huyện Nhơn Trạch, đoạn còn lại), huyện đã đầu tư đường số 9 đến đường số 2	NT	tối đa 5 năm	646.000	50.000	350.000	UBND huyện Nhơn Trạch
22	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	120938	480	114.000	UBND huyện Tân Phú
23	Đường Thôn Đức di thị xã Long Khánh	CM	số đa 5 năm	145.437	143.400		UBND huyện Cẩm Mỹ
24	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	tối đa 4 năm	130.000	440	120.000	UBND huyện Tân Phú
25	Đường Song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dấu Giầy (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%)	TN	Tối đa 4 năm	190.000		180.000	UBND huyện Thống Nhất
26	Đường Song hành Quốc lộ 1A, đoạn qua thị trấn Dấu Giầy (đoạn từ Km1820+830 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 4 năm	180.000		160.000	UBND huyện Thống Nhất
27	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hàng Vương (điểm bên xe Long Khánh và điểm công viên tượng đài), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	212.400	82.000		UBND thành phố Long Khánh
28	Đường Xuân Đường - Thửa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	169.220		160.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
29	Đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	189.220		180.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
30	Đường áp 4 xã Sông Nhạn di xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	59.160	55.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
31	Nâng cấp tuyến đường Dãy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàn Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	113.620	1.000	110.000	UBND thành phố Long Khánh
32	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 3 năm	70.310	67.000		UBND thành phố Long Khánh
33	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quốc Thái Trang), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	số đa 4 năm	639.040	1.000	600.000	UBND huyện Nhơn Trạch
34	Cải tạo, nâng cấp đường Hàng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhơn Trạch (NST100%, không có bồi thường)	NT	số đa 4 năm	157.767	140.000		UBND huyện Nhơn Trạch
35	Đường Bàu Thè Xuân, huyện Long Thành (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	161.500		155.000	UBND huyện Long Thành
36	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST100%)	LT-NT	Tối đa 4 năm	1.493.500	2.000	1.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
37	Dự án nâng cấp mặt bê tông Kéo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhơn Trạch	NT	số đa 3 năm	48.740	42.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
38	Nâng cấp mở rộng đường Hàng Vương - Trăn Phú, NST 50%	XL	tối đa 4 năm	359.650		171.000	UBND huyện Xuân Lộc
39	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	816.335	2.000	750.000	UBND huyện Nhơn Trạch
40	Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	số đa 4 năm	1.082.000	50.000	500.000	UBND thành phố Long Khánh
41	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	số đa 4 năm	1.858.000		1.650.000	UBND thành phố Long Khánh

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giai đoạn 2021-2025		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
42	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST100%)	CM-LK	tối đa 4 năm	462.270		450.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
43	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT. 774B (Tà Lài - Trà Cỏ) (NST100%)	TP-ĐQ	tối đa 4 năm	852.060		800.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
44	Nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100 - Km18+100 và đoạn từ Km33+783 (cầu số 2) đến Km54+183), huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu (NST100%)	XL-ĐQ-VC	tối đa 4 năm	935.910		850.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
45	Đầu tư xây dựng đường 25C Đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liễn Cảng (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	875.780	850	780.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
46	Đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom, NST 100%	TB	tối đa 4 năm	654.490		620.000	UBND huyện Trảng Bom
47	Mở rộng đường Lê Duẩn (NST hỗ trợ 50% chi phí xây lắp)	LT	tối đa 4 năm	1.025.670		150.000	UBND huyện Long Thành
48	Hầm chui kết nối dự án đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trãi	BH	tối đa 4 năm	210.000		280.000	UBND thành phố Biên Hòa
49	Dự án Đường trục trung tâm (từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu)	BH	tối đa 5 năm	1.545.000		1.400.000	UBND thành phố Biên Hòa
50	Đường Xuân Hưng - Xuân Tân (NST 50% TMDT)	XL	tối đa 4 năm	174.500		85.000	UBND huyện Xuân Lộc
51	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST100%	XL	tối đa 4 năm	116.110		110.000	UBND huyện Xuân Lộc
52	Đường Xuân Thành Trảng Táo (NST 50% TMDT)	XL	tối đa 4 năm	113.500	50.000		UBND huyện Xuân Lộc
53	Nâng cấp đường Báo Hòa - Long Khánh (100% NST)	XL	tối đa 5 năm	266.740		100.000	UBND huyện Xuân Lộc
54	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 4 năm	145.840		140.000	UBND huyện Định Quán
55	Đường Phước Bình-Bầu Cạn-Cầm Đường (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	620.860	100	580.000	UBND huyện Long Thành
56	Nâng cấp, mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	160090	100	150000	UBND huyện Trảng Bom
57	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bàu Hầm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	213.050	100	190.000	UBND huyện Trảng Bom
II	Cấp nước, thoát nước			871.893	651.992	200.000	
1	Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	216.200		200.000	UBND huyện Nhơn Trạch
2	Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	88.920	85.000		UBND huyện Trảng Bom
3	Dự án xây dựng một số hạng mục thuộc Tiểu dự án trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	10.000	9.500		UBND thành phố Biên Hòa
4	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	2020-2024	99.841	95.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	2020-2024	107.180	100.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thành phố, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	38.300	110.492		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm xử lý nước thải 2000 m ³ / ngày đêm tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai	CM	2019-2021	32.700	32.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án tuyến thu gom và trạm xử lý nước thải số 1, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	100.000	95.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Dự án Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm Sơn, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	87026	80.000		Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Nai
10	Dự án xây dựng tuyến thoát nước mưa từ khu dân cư Kênh Quanh qua khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trờ tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (NST 50%, phần còn lại do Công ty CPĐTPT Thuận Lợi 50%)	LT	tối đa 4 năm	91.426	45.000		UBND huyện Long Thành

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giai đoạn 2021-2025		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
III	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			43.027	69.000	-	
1	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST100%)	XL	tối đa 3 năm	36.000	33.000		UBND huyện Xuân Lộc
2	Triển khai các hệ thống bao gồm các giải pháp phần cứng, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin phục vụ công tác điều hành, lãnh đạo trung công tác phòng cháy chữa cháy	BH	2021-2023	7.027	7.000		Công an tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng 05 kho vật chủng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	ĐN	tối đa 3 năm	29.428	29.000		Công an tỉnh Đồng Nai
IV	Môi trường			174.784	169.488	0	
1	Kế gin cỏ bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát (kể cả chi phí CBDT)	BH	2020-2023	73.641	72.488		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án Gìn cỏ sát bờ bờ sông Đồng Nai (đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP	tối đa 5 năm	101.143	97.000		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			153.125	80.000	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	BH	Tối đa 3 năm	47.625	45.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai (NST hỗ trợ 50% chi phí xây dựng khoảng 35 tỷ đồng, phần còn lại từ nguồn tài chính công đoàn tích lũy của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai)	BH	tối đa 4 năm	105.500	35.000		Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			11.800	1.086.500	108.803	
1	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	VC	tối đa 3 năm	11.800	11.500		Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
2	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	107.070	100.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
3	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Máy, huyện Trảng Borm	TB	tối đa 3 năm	59.770	55.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
4	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	55.030	50.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
5	Dự án Hồ Gia Ui 2, huyện Xuân Lộc	XL	2020-2024	332.900		108.803	UBND huyện Xuân Lộc
6	Dự án xây dựng mới đập dâng Long Anh, huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	44.550	40.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
7	Dự án Nạo vét Rạch Đồng, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 5 năm	151.440	145.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Nạo vét Suối Sơn Mầu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	2018-2022	377.000	375.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Kiến cổ hóa kênh mương Bà Kỳ (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	207.624	150.000		UBND huyện Nhơn Trạch
10	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (suối Xiệp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống thoát nước thị trấn DT An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương	BH	tối đa 3 năm	163.110	160.000		UBND thành phố Biên Hòa
VII	Xã hội			93.988	145.000		
1	Di dời, bố trí an ninh dân cư khu vực Dông 4, ấp 5, xã Mỏ Đà, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	VC	tối đa 3 năm	149.274	145.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
VIII	Quốc phòng			25.930	25.600		
1	Dự án trang thiết bị kiểm soát không chế thiên bị bay không người lái trong bảo đảm an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	ĐN	tối đa 3 năm	25.930	25.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
C	Các dự án được UBND tỉnh chấp thuận lập chủ trương đầu tư				16.700		Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt với chuyên môn

STT	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giai đoạn 2021-2025		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
1	Đường gom dân sinh cao tốc Tp.HCM-Long Thành-Dầu Giây (100% NST)	LT			100		
2	Nâng cấp đường Hương lộ 21 (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT			100		
3	Đường bê tông Cầu Nước trong (đoạn từ QL31 vào KCN Long Đức) (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT			100		
4	Đường Võ Hồng Pháo (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT			100		
5	Đường Bưng Môn (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT			100		
6	Đường Long Phước - Phước Thái (NST)	LT			100		
7	Đường Phước Bình-Bầu Cạn-Cẩm Đường (NST 100%)	LT			100		
8	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Văn Hòa (đoạn từ ngã tư Tam Hiệp đến nút giao tuyến tránh Quốc lộ 1, thành phố Biên Hòa)	BH			100		
9	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến cầu Ghềnh	BH			100		
10	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến giáp ranh tỉnh Bình Dương	BH			100		
11	Dự án đầu tư trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ giai đoạn 2021-2025	ĐN			100		
12	Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Đồng Nai (NST50%, BCA50%, BCA duyệt CTĐT)	BH			100		
13	Đường quan Hồ Núi Lè (NST 100%)	XL			100		
14	Xây dựng bờ kè bảo vệ suối đầu nguồn và khu xử lý nước thải đô thị để đảm bảo an toàn vệ sinh nguồn nước tiếp nhận vào hồ Núi Lè (100%)	XL			100		
15	Đường quanh rời Chìm Chơ, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL			100		
16	Đường Trương Công Định, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL			100		
17	Tuyến Quốc lộ 1 tránh nội ô thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK			100		
18	Nâng cấp, cải tạo đường Điều Xiển, xã Bầu Trâm (NST 100%)	LK			100		
19	Đường Ngô Quyền (đoạn từ đường Vĩnh đai 2 đến cầu Đồng Hiệp)Nâng cấp, cải tạo đường Điều Xiển, xã Bầu Trâm (NST 100%)	LK			100		
20	Kiến cổ hóa bờ suối kết hợp công viên cây xanh dọc suối Rết, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK			100		
21	Dự án Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà, kết hợp giao thông nội vùng ở khu vực Gia cổ sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn qua khu vực xã Núi Cột Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP			100		
22	Đường song hành Quốc lộ 20 phía tây	TN			100		
23	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cửa sổ 1 KCN Dầu Giây	TN			100		
24	Nạo vét và kè hai bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiem Tân)	TN			100		
25	Dự án Lát đá vỉa hè qua các khu dân cư dọc Quốc lộ 20, đoạn qua 5 xã Kiem Tân (NST50%)	TN			100		
26	Dự án Đường N12, huyện Thống Nhất	TN			100		
27	Nâng cấp đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ QL1 đến giao với đường Võ Nguyên Giáp, TP BH và huyện TB	LT-BH-TB			100		
28	Xây dựng mới tuyến đường ĐT 768B, TP BH và huyện Vĩnh Cửu	BH-VC			100		
29	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu Aa Hào phường An Bình thành phố Biên Hòa (NST100%)	BH			100		
30	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An đến cầu Ghềnh	BH			100		
31	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An giáp tỉnh Bình Dương (thuộc phường Hòa An và Tân Hạnh)	BH			100		

STT	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giai đoạn 2021-2025		Chú đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
32	Hồ chứa nước Thái Hương (chuyển Chủ đầu tư)	CM	tối đa 3 năm		100		
33	Tuyến đường Quang Trung và tuyến Lê Đại Hành, huyện Vĩnh Cửu (100% NST)	VC			100		
34	Đường vành đai thành phố Biên Hòa (đoạn từ giao Hương lộ 7 đến đoạn giao với ĐT.768), huyện Vĩnh Cửu NST100% (nguồn đất)	VC			100		
35	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC			100		
36	Đường Ven hồ Trại An, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC			100		
37	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trạch, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC			100		
38	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Lăng Nguyễn, huyện Vĩnh Cửu NST100%				100		
39	Trạm bơm ép 5 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP			100		
40	Trạm bơm TaRua xã Suối Nho, huyện Định Quán (100%NST)	ĐQ			100		
41	Trạm bơm Đồng Hiệp				100		
42	Hồ chứa nước Suối Đà, xã Núi Tượng				100		
43	Đường Vành đai Long Giao (giai đoạn 1) (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB), (thực hiện từ nguồn đầu tư trên địa bàn huyện)	CM			100		
44	Đường N1 huyện Cẩm Mỹ (NST100%)	CM			100		
45	Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện ra Suối Cú (NST100%)	CM			100		
46	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu, huyện Trảng Borm (NST100%)	TB			100		
47	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sóng Thao - Bàu Hàm, huyện Trảng Borm (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Borm)	TB			100		
48	Nâng cấp, mở rộng đường Trảng Borm - Cây Gáo, huyện Trảng Borm (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Borm)	TB			100		
49	Cải tạo, chỉnh trang Trung tâm hành chính huyện và xây dựng Trụ sở Trung tâm hành chính công huyện Trảng Borm	TB			100		
50	Dự án Hệ thống thoát nước chống ngập xung quanh Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Long Thành	LT			100		
51	Đường Hương Lộ 12 (Đường Bà Kỳ) (NST 100%)	LT			100		
52	Dự án đường 769E đoạn từ ranh Cảng HHKQT Krong Thành đến Vành đai 4	LT			100		
53	Dự án tuyến đường Vành đai 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường ĐT.769	TB-LT			100		
54	Dự án đường chuyên dùng Phước Bình	LT			100		
55	Dự án mở rộng đường ra Cảng Phước An (đoạn từ giao với đường 319 đến cao tốc Bến Lức - Long Thành)	LT-NT			100		
56	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù Lao Phố), thành phố Biên Hòa	BH			100		
57	Đường Mã Vôi, xã Bảo Hòa, NST100%	XL			100		
58	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773	CM-XL			1.500		
59	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.772 (Trảng Borm - Xuân Lộc) (NST100%)	TB-XL			1.500		
60	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769	TN-CM-LT			1.500		
61	Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B	TP-ĐQ-XL			1.500		
	Một số dự án khác theo chủ trương của UBND tỉnh (kể cả các dự án thiếu nguồn vốn lập chủ trương đầu tư)				5.000		-
D	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện				1.897.946		-

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Giai đoạn 2021-2025		Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	7	8	9
I	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn				230.439		-
1	Mương thoát nước dọc tuyến đường Bình Minh - Giảng Điện, huyện Trảng Bom (tối đa 20 tỷ)	TB			9.839		UBND huyện Trảng Bom
2	Xây dựng đường vào Cụm công nghiệp Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (tối đa 35,4 tỷ)	CM			5.400		UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 3 Lân Sơn - Quảng Thành, huyện Cẩm Mỹ	CM			29.800		UBND huyện Cẩm Mỹ
4	Dự án đường từ xã Đắc Lư đi huyện Đông Hà, huyện Tân Phú	TP			48.400		UBND huyện Tân Phú
5	Nâng cấp, mở rộng đường bê 129, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú	TP			49.000		UBND huyện Tân Phú
6	Nâng cấp sân chôn đường 118	ĐQ			47.000		UBND huyện Định Quán
7	Nâng cấp sửa chữa đường cầu Trảng	ĐQ			41.000		UBND huyện Định Quán
II	Các dự án còn lại (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)				867.507		-
E	Phân cấp cho cấp huyện giao chỉ tiêu				7.319.640		-
G	Hỗ trợ các dự án XHHGTNT				500.000		-

Phụ lục III

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lấy kế đến 2020	Giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số				1.209.323	1.700.000	-
A	Thực hiện dự án				1.160.273	2.997.600	-
I	Y tế, dân số và gia đình				607.263	322.870	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				607.263	322.870	
1	Khắc diều trị bệnh viện Thống Nhất	BH	2017-2021	600.000	297.827	240.000	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
2	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH	2019-2021	11.940	2.285	4.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Báo Quang - thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	11.597	2.600	3.900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	16.443	2.300	7.850	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế xã Mỹ Đa - huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	15.246	7.791	500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	28271	10.000	16.320	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án xây dựng khu khám và phẫu thuật Bệnh viện Da liễu Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	30.841	19.500	10.000	Bệnh viện Da liễu Đồng Nai
8	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	30.648	12.000	16.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Cải tạo, nâng cấp, làm mới một số hạng mục đã xuống cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	14.591	900	13.000	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
10	Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai	XL	2018-2022	300.000	252.960	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				180.645	16.600	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				180.645	16.600	
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	BH	2016-2021	139.015	127.117	8.500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường nội bộ, vỉa hè, mương thoát nước và sân khu dạy học trường Đại học Đồng Nai	BH	2020-2022	10.528	3.950	6.200	Trường Đại học Đồng Nai
3	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2022	23.662	17.987	900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Sửa chữa cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Sông Ray, Cẩm Mỹ	CM	2016-2021	52.093	31.591	1.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III	Văn hóa				170.838	110.000	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				170.838	110.000	
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	2018-2022	146.000	49.544	31.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Làng Văn hoá Đồng bào Chơro xã Báo Vĩnh	LK	2018-2021	73.000	37.600	20.600	UBND thành phố Long Khánh
3	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	LK	2017-2021	62.976	37.093	2.000	UBND thành phố Long Khánh
4	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn	TP	2019-2021	2.869	1.000	1.500	UBND huyện Tân Phú
5	Dự án Trung tâm tổ chức sự kiện huyện Tân Phú	TP	2019-2021	19025	9.000	8.900	UBND huyện Tân Phú
6	Xây dựng hệ thống hàng rào sắt, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao của người dân xung quanh Sân vận động tỉnh	BH	tối đa 3 năm	11.205	4.900	6.100	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
7	Xây dựng đường dây trung thế, nâng cấp đường dây hạ thế ngầm, MCCB đảm bảo đáp ứng cho trạm biến áp 1.000KVA tại Sân vận động tỉnh hệ thống hàng rào sắt, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao	BH	2020-2022	12.795	5.000	6.400	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
8	Dự án đầu tư mới 01 xe truyền hình mùa lưu động theo chuẩn HD cho Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (NST tối đa 25 tỷ đồng, phần còn lại thuộc nguồn vốn của Đài)	BH	2020-2022	55.000		25.000	Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tiêu độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lấy kể đến 2020	Giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Xây dựng khuôn chỉnh các hạng mục còn lại của Trung tâm văn hóa thể thao huyện Tân Phú (nền cũ là Khu văn hóa thể dục thể thao huyện Tân Phú, NST đầu tư xây lắp + thiết bị, phần còn lại ngân sách huyện Tân Phú (mặt sân, hàng rào quanh sân, đường chạy, khu nhảy cao, nhảy xa...))	TP	2018-2022	49.860	25.901	8.500	UBND huyện Tân Phú
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				16.213	69.850	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				16.213	69.850	
1	Dự án phát triển lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP	nhiều năm	15.639	9.200	6.400	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
2	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Còi (Ngân sách thành phố chi bồi thường 55,4 tỷ)	LK	nhiều năm	544.659		50.000	UBND thành phố Long Khánh
3	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020	ĐN	2019-2021	27.795	7.013	13.450	Chi cục Kiểm lâm
V	Giao thông				127.470	279.018	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				127.470	279.018	
1	Dự án Nút giao thông giữa đường ĐT 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Còi), huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL	nhiều năm	45.698	30.370	11.500	UBND huyện Xuân Lộc
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trãi, thị xã Long Khánh (NST 50% + NSH 50%)	LK	nhiều năm	55.991	14.200	10.000	UBND thành phố Long Khánh
3	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	DQ	nhiều năm	297.932	51.660	202.500	-
	Trong đó:						
a	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					88.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường					114.000	UBND huyện Định Quán
4	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	TP+DQ	nhiều năm	114.660	31.300	55.018	-
	Trong đó:						
a	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					31.599	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường					23.419	UBND huyện Định Quán
VI	Quốc phòng				44.644	45.000	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				44.644	45.000	
1	Dự án Tru sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	ĐQ	nhiều năm	91.092	44.644	45.000	UBND huyện Định Quán
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				14.000	28.000	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				14.000	28.000	
1	Dự án xây dựng văn phòng ổn định nơi làm việc một số đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	nhiều năm	48292	14.000	28.000	Sở Giao thông Vận tải
VIII	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội					50.000	-
IX	Dự phòng giai đoạn 2021-2025					2.076.262	-
B	Lập chủ trương đầu tư và chuẩn bị đầu tư				4.050	500.400	-
B.1	Dự án khởi công mới 2021-2025			520.824	4.050	493.800	-
I	Xã hội			15.000	500	14.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lấy kế đến 2020	Giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đông bắc dân tộc xã Phú Bình	TP	Tối đa 3 năm	15.000	500	14.500	UBND huyện Tân Phú
II	V tế, dân số và gia đình			188.263	2.250	171.500	
1	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	14.687	200	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	NT	2019-2021	13.009	300	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	9.630	200	9.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.291	250	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa	BH	2019-2021	8.544	300	7.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	7.566	300	7.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm Y tế xã An Hòa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.688	400	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Cải tạo Trung tâm y tế huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	12.611	100	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm y tế huyện Định Quán	DQ	tối đa 3 năm	10.790	100	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	92.447	100	92.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			251.542	800	245.800	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Cao đẳng công nghệ cao (NST100%)	LT	tối đa 3 năm	12.995	400	12.000	Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
2	Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghề thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án Sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, diện tổng thể Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Đồng Nai)	BH	tối đa 3 năm	36.360	400	35.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống điện cho Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở III tại thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	11.130		10.800	Trường Đại học Đồng Nai
4	Dự án sửa chữa, cải tạo một số công trình Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở I	BH	tối đa 3 năm	9.112		9.000	Trường Đại học Đồng Nai
5	Dự án cải tạo, làm mới một số hạng mục Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai (cơ sở 2)	NT	tối đa 3 năm	14.930		14.500	Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
6	Dự án đầu tư xây dựng mới khối lớp học 03 tầng của Trường cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai	LT	tối đa 3 năm	14.983		14.500	Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
7	Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông Dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia	TB	tối đa 4 năm	152.062		150.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
IV	Văn hóa			66.019	500	62.000	
1	Sửa chữa cải tạo sân vận động tỉnh	BH	tối đa 3 năm	11.769	500	10.500	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
2	Dự án Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà hát nghệ thuật Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	14.940	-	13.500	Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai
3	Dự án Nâng cấp, sửa chữa hệ thống sân đường, hàng rào, mương thoát nước, vỉa hè Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	13.380		13.000	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
4	Dự án đầu tư trang thiết bị kiểm soát, không chế thiết bị bay không người lái trong đảm bảo an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	TB	tối đa 3 năm	25.936		25.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
B.2	Lập chủ trương đầu tư					6.600	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư
1	Dự án nhà ở đầu tư kết hợp quảng trường thành phố Long Khánh (BTGPMB từ nguồn vốn thành phố Long Khánh)	LK				800	
2	Trung tâm Hành chính công thành phố Long Khánh (BTGPMB từ nguồn vốn thành phố Long Khánh)	LK				800	
3	Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	NT				100	
4	Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa	BH				100	
5	Dự án xây dựng bệnh viện dã chiến đáp ứng cách ly, điều trị bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	XL				100	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lấy kể đến 2020	Giải đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
6	Xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong	TB				100	
7	Cải tạo nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn Quốc Gia	XL				100	
8	Xây dựng môi trường THPT Phước Thiển, huyện Nhơn Trạch	NT				100	
9	Trồng ta, tôn tạo di tích mộ Đoàn Văn Cự và lễ nghĩa binh Thiệu địa hội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa	BH				100	
10	Xây dựng nhà bia tưởng niệm các anh hùng Liệt sỹ Trung đoàn 4	XL				100	
11	Tu tạo Đền thờ Quốc tổ Hùng Vương tại xã Phú Sơn (NST+ XHĐ)	TP				100	
12	Nhà thi đấu đa năng, huyện Cẩm Mỹ (NST100%)	CM				100	
	Các dự án khác (khi có chủ trương của UBND tỉnh)					4.000	-
C	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện					462.000	-
1	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn					136.000	-
1	Xây dựng trường mầm non Sông Ray				15.000	16.500	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Dự án Xây dựng trường tiểu học – THCS Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu					38.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
3	Đường 30 tháng 4 huyện Trảng Borm				30.000	18.000	UBND huyện Trảng Borm
4	Dự án Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai huyện Định Quán					57.500	UBND huyện Định Quán
II	Các dự án còn lại (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)					332.000	-
D	Phân cấp cho UBND cấp huyện giao chỉ tiêu kế hoạch					3.240.000	-
E	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa					500.000	-

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bổ trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lấy kế giải ngân đến hết 31/01/2021		Dự kiến giải đoạn 2021-2025 theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
(1)	Tuyến đường nối Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh 769	7025231	L.T-CM-TN	11,2Km	2016 - 2021	510 ngày 19/02/2016; 4185 ngày 20/11/2017 3892 ngày 29/11/2019; 4328 ngày 30/12/2019	272.606	179.244	218.022	135.274	203.874	121.126	40.700	40.700	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021
	Khởi công mới														
	Nhóm B														
(1)	Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Long Khánh	Dài 4,4 km, quy mô mặt cắt ngang 45m gồm: mặt đường 14m, dải trồng cây giữa 19m, vỉa hè mỗi bên 6m	2021 - 2024	27/NQ-HĐND ngày 4/12/2020	1.082.000	500.000					1.050.000	500.000	Đang trình duyệt Bảo cáo nghiên cứu khả thi
(2)	Nâng cấp đường tỉnh 763 đoạn Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến)		Tỉnh Đồng Nai	Đoạn còn lại khoảng 12,5km. Mặt cắt ngang 12m gồm: đường rộng 8m, lề đất rộng 4m.	2021 - 2024	4121/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	599.946	170.000	250.076		250.076		292.000	170.000	Đã phê duyệt Bảo cáo nghiên cứu khả thi
(3)	Đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hòa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	7812822	Biên Hòa	Chiều dài 5,2km mặt cắt ngang rộng 34m gồm mặt đường rộng 22,5m, dải phân cách rộng 1,5m, vỉa hè mỗi bên 5m	2021 - 2024	3533/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	1.289.160	400.000	120.000		120.000		1.100.000	400.000	Đã phê duyệt Bảo cáo nghiên cứu khả thi
(4)	Đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)		Biên Hòa	Chiều dài 5,358km gồm đường và 01 cầu. Trong đó: 90m đường mặt cắt ngang rộng 95m; 2,97km đường mặt cắt ngang rộng 60m; cầu dài 528m rộng 31m	2020 - 2024	05/NQ-HĐND ngày 20/3/2020; 1580/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	3.131.000	813.450	1.500		1.500		1.913.450	813.450	Đã phê duyệt Bảo cáo nghiên cứu khả thi
III	Xã hội						49.952	45.000	15.000	12.800	1.269	0	32.200	32.200	
	Chuyển tiếp														
	Nhóm B														
(1)	Dự án trung tâm cộng tác xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Nai	7615404	Biên Hòa	Xây dựng khối nhà hành chính (03 tầng), các khối nhà chức năng (1-2 tầng) và công trình phụ trợ	2020 - 2024	3439/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	49.952	45.000	15.000	12.800	1.269		32.200	32.200	Dự án chuyển tiếp

Ghi chú: Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 vốn bổ trí năm 2021 là 13.450 triệu đồng chuyển từ nguồn NSTW sang vốn ngân sách tỉnh



DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày làm thủ tục Hiệp định	Số quyết định	Quyết định đầu tư						Lấy kế gửi ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch năm 2020						Dự kiến giai đoạn 2021-2025				KH năm 2021				Ghi chú		
						TMDT							Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)					
																										Tổng số		Trong đó: vốn NSTW	Tỉnh bằng nguồn ODA
Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																											
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG SỐ						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600	98.833			98.833	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CỤ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600	98.833			98.833	
I	Mỗi trường						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600	98.833			98.833	
3	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021																												
4	Dự án nhóm A																												
(11)	Dự án (H) thông thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1)	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	30/08/2017	30/08/2027	248/QĐ-UBND ngày 20/01/2017	6.610.252	1.277.853	0		5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0				2.032.600			2.032.600	98.833			98.833	